

VINACAPITAL-VFF

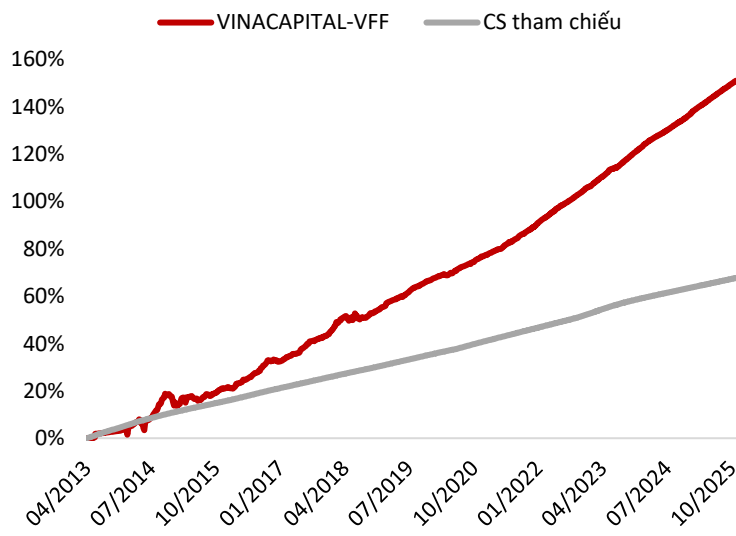
Chiến lược đầu tư

- Đầu tư chủ yếu vào trái phiếu doanh nghiệp niêm yết của các doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao và dòng tiền ổn định; đạt điểm tín nhiệm cao theo hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ của VinaCapital.

- Kết hợp đa dạng hóa các ngành nghề trong danh mục đầu tư.

- Thận trọng cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận để giảm thiểu rủi ro.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,506.5	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	25,115.7	
Lợi nhuận tháng 10/2025 (%)	0.5	0.4
Lợi nhuận từ đầu năm 2025 (%)	5.4	3.9
Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%/năm)	7.2	5.1
Lợi nhuận kép trung bình 5 năm (%/năm)	7.4	5.0
Lợi nhuận kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	7.6	4.2
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	151.2	67.7

* CSTC: Chỉ số tham chiếu

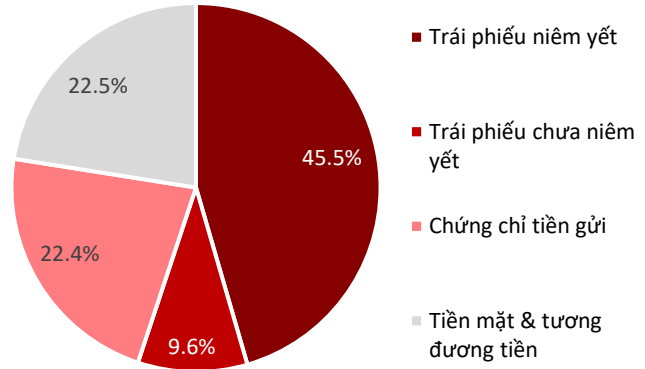
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



Thông tin quỹ

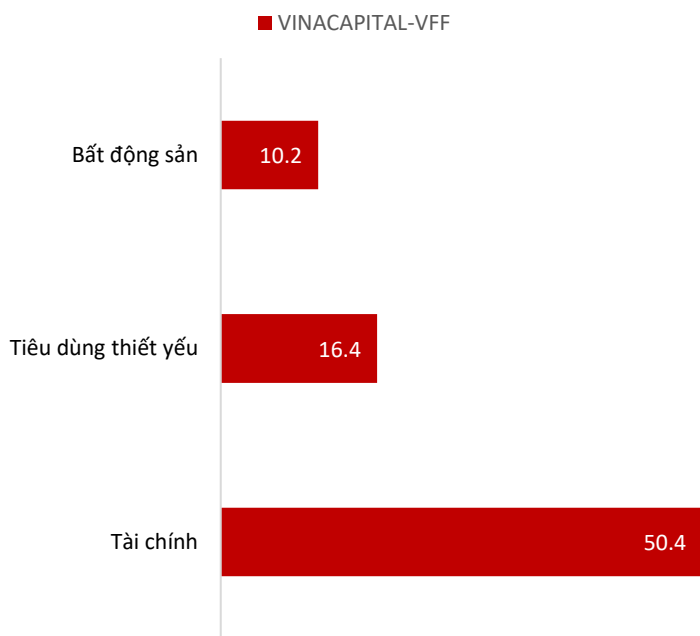
Ngày thành lập	1/4/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng
	0.5% >= 12 tháng
	0.0% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hằng tuần

Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	0.9
Lợi suất khi đáo hạn (%)	7.3

Phân bổ theo ngành



Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

Hai động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2025 tiếp tục duy trì đà tích cực trong tháng 10. Xuất khẩu sang Mỹ – đặc biệt là các sản phẩm công nghệ cao – và tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ từ lượng khách du lịch Trung Quốc vẫn là hai trụ cột chính của nền kinh tế Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ tăng gần 30% trong 10 tháng đầu năm 2025 và lượng khách du lịch tăng 22%; hai chỉ tiêu này vẫn giữ vững so với 9 tháng đầu năm.

Trong tương lai, chúng tôi kỳ vọng kim ngạch xuất khẩu sẽ tiếp tục tăng trưởng. Chỉ số phụ “Đơn hàng xuất khẩu mới” thuộc PMI đã quay trở lại vùng mở rộng lần đầu tiên trong năm qua, đạt 51,1 điểm trong tháng 10 sau khi chạm đáy ở mức thấp bất thường 43,4 điểm vào tháng 6. Sự phục hồi này đã kéo chỉ số PMI tổng hợp của Việt Nam tăng từ 50,4 điểm trong tháng 9 lên 54,0 điểm trong tháng 10.

Bức tranh tiêu dùng nội địa lại thể hiện một sự tương phản rõ rệt so với đà tăng của xuất khẩu. Chi tiêu nội địa – vốn đã yếu – tiếp tục suy giảm trong tháng 10 do thời tiết khắc nghiệt và tình trạng ngập lụt. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu dùng trong nước yếu lại có một điểm tích cực: lạm phát vẫn được kiểm soát tốt. Tốc độ lạm phát giảm từ 3,4% svck tháng 9 xuống còn 3% trong tháng 10. Ngoài ra, nhu cầu tiêu dùng yếu từ Trung Quốc cũng góp phần giúp giá lương thực và lạm phát chung tại Việt Nam duy trì ở mức thấp.

Trong tháng 10/2025, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đạt 65,4 nghìn tỷ đồng, tăng 51% svck năm trước. Khối ngân hàng và bất động sản tiếp tục dẫn đầu, lần lượt chiếm 45% và 44% tổng giá trị phát hành. Lãi suất phát hành bình quân của khối ngân hàng khoảng 6,6%, dao động từ 5,7% đến 7,7%; trong khi khối bất động sản ghi nhận mức bình quân cao hơn, khoảng 9,6%, dao động từ 8,8% đến 13,5%. Khối ngân hàng có thời gian đáo hạn trung bình 6,1 năm, dài hơn so với mức 4,2 năm của khối bất động sản. Ngoài ra, ngành xây dựng ghi nhận đợt huy động 4,0 nghìn tỷ đồng, tương đương 6% tổng giá trị phát hành, đến từ CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn thuộc Vingroup. Trên thị trường trái phiếu phát hành công chúng, ba doanh nghiệp gồm LPBank, VietABank và DNSE đã huy động tổng cộng 2,3 nghìn tỷ đồng với lãi suất bình quân 7,5%.

Danh mục đầu tư lớn

Mã	Tên Tổ chức phát hành	Tỷ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
SHB	Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội	10.1	7.6	0.1
MSN	Tập đoàn Masan	9.7	8.1	2.0
HDB	Ngân hàng HDBank	8.8	7.2	4.2
MML	Masan Meatlife	6.3	7.8	0.8
TCX	Chứng khoán Kỹ Thương	5.5	7.1	0.0

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2023	0.7%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.3%	0.5%	0.8%	0.7%	0.7%	0.7%	0.6%	8.0%
2024	0.7%	0.6%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.6%	0.8%	6.9%
2025	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.6%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%			5.4%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.